TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ - ST
Ngày 07-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2023/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ X, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công P, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện K, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà, Cục C10, Bộ Công an, địa chỉ tại thôn L, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Công P trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Vì cuộc sống và vì các con nên bà cố gắng chịu đựng để chung sống nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ đầu năm 2010 ông bà đã li thân nhau, không quan tâm đến tình cảm và cuộc sống của nhau nữa. Đến năm 2018 ông P vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam kết án 14 năm 06 tháng tù về các tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*". Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Công P.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, có xác nhận của Ban Giám thị Trại giam Nam Hà, bị đơn là ông Nguyễn Công P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông với bà Bùi Thị H và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như bà H đã trình bày. Nay bà H xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà H không còn nên ông cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông P thống nhất xác định vợ chồng ông bà có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Th, sinh năm 2001. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

Về con riêng: bà H và ông P thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Bà H, ông P thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn

Công P. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là ông Nguyễn Công P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có xác nhận của Ban Giám thị Trại giam Nam Hà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Công P là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/02/1993 tại Uỷ ban nhân dân xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, từ năm 2010 ông bà đã li thân nhau mỗi người một nơi không còn gặp gỡ nhau nữa. Nay cả bà H và ông P cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà H và ông P thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông P là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Bà H và ông P có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Th, sinh năm 2001. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, lao động tự lập được, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Bà H và ông P cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà H và ông P thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Công P.

2. Án phí: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Công P mỗi người phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của bà H, chuyển số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002130 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đối trừ vào tiền án phí ly hôn bà H, ông P phải chịu. (Bà H và ông P đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Báo cho bà H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Khả Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo